

Số: **2381**/BHBV-TSKTHà Nội, ngày **21** tháng **3** năm 2018

V/v Hướng dẫn Nghị định số  
23/2018/NĐ-CP về Bảo hiểm Cháy,  
nổ bắt buộc

Kính gửi: Các Công ty thành viên Bảo hiểm Bảo Việt.

Liên quan đến chế độ Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc đã và đang được thực hiện rộng rãi trên toàn quốc, mới đây Chính phủ đã ban hành Nghị định số 23/2018/NĐ-CP về “Quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc”. Để các Công ty thành viên (CTTV) có cơ sở tuân thủ và thực hiện, Tổng công ty (TCT) gửi kèm theo toàn bộ nội dung Nghị định và hướng dẫn thực hiện như sau:

## I/ Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày **15/04/2018**. Các hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đã giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Nghị định này thay thế Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc và Điều 2 Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/05/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/04/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 214/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 và Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/05/2012 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Bãi bỏ Thông tư số 220/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

## II/ Điều kiện, Tỷ lệ phí, Mức khấu trừ và Bồi thường bảo hiểm

### 1. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Cơ quan, tổ chức và cá nhân có cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ.

### 2. Đối tượng bảo hiểm

Đối tượng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc là **toàn bộ tài sản** của cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ, bao gồm:

- Nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị;

- Các loại hàng hóa, vật tư (bao gồm cả nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm).

Đối tượng bảo hiểm và địa điểm của đối tượng bảo hiểm phải được ghi rõ trong hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.

### 3. Quy tắc bảo hiểm (Policy Wording)

Nghị định quy định các điều kiện bảo hiểm và phạm vi bảo hiểm liên quan tới rủi ro bảo hiểm bắt buộc là Cháy và Nổ.

Ngoài ra, Người được bảo hiểm và Bảo Việt được phép thỏa thuận mở rộng các điều kiện bảo hiểm trên cơ sở áp dụng các quy tắc hiện hành của Bảo Việt, cụ thể:

- Quy tắc Bảo hiểm Cháy và các rủi ro đặc biệt (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số: 3123/2015/QĐ/TGD/BHBV ngày 24/09/2015 của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;

hoặc

- Quy tắc Bảo hiểm Mọi rủi ro tài sản (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số: 3122/2015/QĐ/TGD/BHBV ngày 24/09/2015 của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.

### 4. Số tiền bảo hiểm tối thiểu

**Số tiền bảo hiểm tối thiểu** là giá trị tính thành tiền theo giá thị trường của các tài sản tham gia bảo hiểm tại thời điểm giao kết hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp không xác định được giá thị trường của tài sản thì số tiền bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc do các bên thỏa thuận như sau:

- Đối với nhà, công trình và các tài sản gắn liền với nhà, công trình; máy móc, thiết bị: giá trị còn lại hoặc giá trị thay thế.

- Đối với hàng hóa, vật tư: giá trị tính thành tiền của tài sản căn cứ theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ hoặc các tài liệu có liên quan

### 5. Tỷ lệ phí (chưa bao gồm thuế VAT)

**Tỷ lệ phí bảo hiểm tối thiểu** được quy định tại Phụ lục II của Nghị định, áp dụng đối với các cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng.

Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên và cơ sở hạt nhân: được phép thỏa thuận tỷ lệ phí bảo hiểm trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận.

Tại Phụ lục II – Tỷ lệ phí của Nghị định có một số nhóm ngành chỉ quy định chung, nên TCT đã liệt kê các ngành nghề cụ thể tại **Phụ lục 1 – BV** để các CTTV có cơ sở đối chiếu áp dụng tỷ lệ phí cho các ngành nghề đúng theo quy định, những ngành nghề nào còn chưa được liệt kê, yêu cầu các Công ty xin ý kiến Ban TSKT để được hướng dẫn thực hiện.



\* Cơ sở để tham chiếu liệt kê áp dụng các ngành nghề phù hợp theo biểu phí của Nghị định là Thông tư số: 07/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 28/07/2010 về Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia An toàn cháy cho nhà và công trình.

## 6. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ của 02 rủi ro Cháy và Nổ được quy định tại Mục II – Phụ lục II của Nghị định, cụ thể:

Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ (trừ cơ sở hạt nhân) có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm dưới 1.000 tỷ đồng:

- Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại A quy định tại Phụ lục này: Mức khấu trừ bảo hiểm tối đa là 1% số tiền bảo hiểm và không thấp hơn mức khấu trừ tối thiểu.

- Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại B quy định tại Phụ lục này: Mức khấu trừ bảo hiểm tối đa là 10% số tiền bảo hiểm và không thấp hơn mức khấu trừ tối thiểu.

Đối với cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ có tổng số tiền bảo hiểm của các tài sản tại một địa điểm từ 1.000 tỷ đồng trở lên và cơ sở hạt nhân: được phép thỏa thuận mức khấu trừ trên cơ sở được doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm chấp thuận.

Trong mọi trường hợp, Mức khấu trừ bảo hiểm không được thấp hơn Mức khấu trừ tối thiểu sau đây:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số tiền bảo hiểm	Mức khấu trừ bảo hiểm
Đến 2.000	4
Trên 2.000 đến 10.000	10
Trên 10.000 đến 50.000	20
Trên 50.000 đến 100.000	40
Trên 100.000 đến 200.000	60
Trên 200.000	100

## 7. Bồi thường bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện xem xét, giải quyết bồi thường bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và theo nguyên tắc sau:

- Giám trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, dẫn đến tăng thiệt hại khi xảy ra cháy, nổ.

2

- Không có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm đối với những khoản tiền phát sinh, tăng thêm do hành vi gian lận bảo hiểm theo quy định tại Bộ luật hình sự

### **8. Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm**

Trên cơ sở thống nhất giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, CTTV thực hiện việc ký kết theo các mẫu sau:

1. Hợp đồng bảo hiểm – mẫu áp dụng theo Phụ lục 2- BV đính kèm công văn này và lựa chọn một trong các loại hình sau:

- Hợp đồng Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc; hoặc
- Hợp đồng Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc và các rủi ro đặc biệt; hoặc
- Hợp đồng Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc mở rộng Mọi rủi ro tài sản.

2. Giấy chứng nhận Bảo hiểm Cháy nổ bắt buộc – Phụ lục 3 – BV đính kèm theo công văn này.

### **9. Lệ phí Phòng cháy chữa cháy**

Theo quy định của Nghị định, doanh nghiệp bảo hiểm triển khai bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc phải đóng góp kinh phí để phục vụ cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy với mức đóng góp hàng năm bằng 1% tổng số phí bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc thực tế thu được của các hợp đồng bảo hiểm gốc. Do đó các CTTV phải thể hiện tỷ lệ phí bảo hiểm áp dụng cho 02 rủi ro Cháy, Nổ bắt buộc trong Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm theo mẫu đính kèm.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện về BHCNBB theo Nghị định 23/2018/NĐ-CP, TCT yêu cầu các CTTV nghiêm túc triển khai và tuân thủ, trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các CTTV liên hệ với Ban TSKT – Tổng công ty để được tư vấn, hỗ trợ kịp thời. Các quy định khác vẫn tuân thủ theo các quy định pháp luật và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ hiện tại của Tổng công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- TBH, PHH, BANCA, BHDA;
- Lưu: VT, TSKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Quang Hưng**

Phụ lục đính kèm:

1. Phụ lục 1 - BV: Biểu phí liệt kê các ngành nghề trên cơ sở quy định của Nghị định.
2. Phụ lục 2 - BV: Mẫu Hợp đồng Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc (03 lựa chọn)
3. Phụ lục 3 - BV: Mẫu Giấy chứng nhận Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc.

PHỤ LỤC 1 - BV

BIỂU PHÍ BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 23/2018/NĐ-CP

STT	Danh mục cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Ngành nghề tham chiếu		Mức khấu trừ (loại)	Tỷ lệ phí/năm (%)
		Mã hiệu	Tên ngành nghề		
1	Học viện, trường đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trường dạy nghề, trường phổ thông và trung tâm giáo dục; nhà trẻ, trường mẫu giáo			A	0,05
2	Bệnh viện, nhà điều dưỡng và các cơ sở y tế khám bệnh, chữa bệnh khác			A	0,05
3	Trung tâm hội nghị, nhà rạp hát, hội trường nhà văn hóa, rạp chiếu phim, rạp xiếc; nhà thi đấu thể thao trong nhà; sân vận động, vũ trường, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí đông người; công trình công cộng khác				
3.1	Vũ trường, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí đông người	8101		B	0,4
3.2	Rạp chiếu phim; nhà thi đấu thể thao trong nhà; sân vận động	8102		A	0,15
3.3	Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, rạp xiếc; công trình công cộng khác	8103		A	0,1
4	Bảo tàng, thư viện, triển lãm, cơ sở nhà lưu trữ; di tích lịch sử, công trình văn hóa, nhà hội chợ				
4.1	Bảo tàng, thư viện, nhà lưu trữ; di tích lịch sử, công trình văn hóa	10101		A	0,075
4.2	Triển lãm; nhà hội chợ	10102		A	0,12
5	Chợ kiên cố, bán kiên cố; trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng bách hóa				



*Dan*

5.1	Trung tâm thương mại	5103		A	0,06
5.2	Siêu thị, cửa hàng bách hóa	5102		A	0,08
5.3	Chợ kiên cố, bán kiên cố	5101		B	0,5
6	Cơ sở phát thanh, truyền hình, bưu chính viễn thông			A	0,075
7	Trung tâm chỉ huy, điều độ, điều hành, điều khiển			A	0,07
8	Cảng hàng không, cảng biển, cảng thủy nội địa, bến xe; bãi đỗ; gara ô tô; nhà ga hành khách đường sắt; ga hàng hóa đường sắt				
8.1	Cảng biển, cảng thủy nội địa, bến xe; bãi đỗ; nhà ga hành khách đường sắt	9101		A	0,1
8.2	Gara ô tô; ga hàng hóa đường sắt	9103		B	0,12
8.3	Cảng hàng không	9102		A	0,08
9	Nhà chung cư, nhà đa năng, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ				
9.1	Nhà chung cư có hệ thống chữa cháy tự động (springkler), nhà đa năng, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ	6101		A	0,05
9.2	Nhà chung cư không có hệ thống chữa cháy tự động (springkler)	6104		A	0,1
10	Trụ sở cơ quan hành chính nhà nước; viện, trung tâm nghiên cứu, trụ sở làm việc của các cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và các tổ chức khác			A	0,05
11	Hầm lò khai thác than, hầm lò khai thác các khoáng sản khác cháy được; công trình giao thông ngầm, công trình trong hang hầm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ			B	0,4
		1101	Sản xuất hoặc chế biến tấm bọt xốp		
		1102	Sản xuất đồ gỗ gia dụng có nhồi, lót (có sử dụng bọt nhựa hoặc cao su xốp)		
		1103	Nhà máy lưu hóa cao su		

*Đua*

12	Cơ sở sản xuất vật liệu nổ, cơ sở khai thác, chế biến, sản xuất, vận chuyển, kinh doanh, sử dụng, bảo quản dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, cơ sở sản xuất, chế biến hàng hóa khác cháy được	1105	Cơ sở chế biến lông vũ	B	0,35
		1106	Xưởng làm rô, sọt		
		1107	Xưởng sản xuất giấy, chế biến giấy		
		1112	Nhà máy sản xuất lông vũ, thú nhồi bông, đệm		
		1116	Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ		
		1117	Sản xuất bao bì carton		
		1118	Xưởng khắc, chạm (làm chổi, bàn chải, chổi sơn, trừ phần xử lý gỗ)		
		1119	Sản xuất bao bì công nghiệp		
		16729	Cơ sở sản xuất hương, vàng mã		
13	Kho vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, kho sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, cảng xuất nhập vật liệu nổ, dầu mỏ, sản phẩm dầu mỏ, khí đốt.			B	0,3
14	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu, cửa hàng kinh doanh khí đốt			B	0,3
15	Nhà máy điện, trạm biến áp từ 110 KV trở lên				
15.1	Nhà máy nhiệt điện	4101		A	0,1
15.2	Nhà máy thủy điện, nhà máy phong điện và nhà máy điện khác	4104		A	0,07
15.3	Trạm biến áp	4102		A	0,12
16	Nhà máy đóng tàu, sửa chữa tàu; nhà máy sửa chữa, bảo dưỡng máy bay	16721		A	0,1
17	Kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được; bãi hàng hóa, vật tư cháy được				
17.1	Kho hàng hóa, vật tư cháy được	13102	Kho nhựa đường	B	0,2
		13103	Kho sơn		
		13104	Kho chứa hóa chất		
		13105	Kho thành phẩm, bán thành phẩm nhựa, cao su		
		13106	Kho rượu cồn và các chất lỏng dễ cháy		
		13107	Kho bông vải sợi, len dạ, sản phẩm dệt		
		13108	Kho giấy, bìa, bao bì		
		13109	Kho đồ gỗ và các sản phẩm về gỗ		
		13111	Kho ngành thuốc lá		



17.2	Hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được	13110	Kho tinh dầu, hương liệu, dầu ăn	A	0,075
		13112	Kho dược phẩm		
		13113	Kho vật tư ngành ảnh		
		13114	Kho hàng thiết bị điện, điện tử		
		13115	Kho hàng nông sản		
		13116	Kho hàng đông lạnh		
		13117	Kho vật liệu xây dựng		
		13118	Kho gạch, đồ gốm sứ		
		13119	Kho kim loại, phụ tùng cơ khí		
17.3	Bãi hàng hóa, vật tư cháy được	13101	Kho ngoài trời, hàng hóa tổng hợp	B	0,1
18	<b>Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C, D, E thuộc dây chuyền công nghệ sản xuất chính</b>				
		16101	Cơ sở chế biến phế liệu vải sợi (như phân loại, giặt, chải, buôn bán)		
		16102	Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây có phủ nhựa, nhựa đường)		
		16103	Xưởng sản xuất dây thừng, chảo trừ chỉ khâu (nếu dây không có phủ nhựa, nhựa đường)		
		16104	Xưởng dệt kim		
		16107	Nhà máy dệt các loại sợi khác (cotton, vitco, lanh, gai, đay)		
		16108	Xưởng xe, kéo sợi		
		16109	Nhà máy sản xuất thảm, tấm trải sàn		
		16110	Nhà máy chỉ khâu		
		16113	Máy đồ lót, dăng ten các loại		
		16114	Máy quần áo các loại		
		16117	Sản xuất các sản phẩm dệt chưa phân loại khác		
		16118	Nhà máy sản xuất các mặt hàng làm từ da thuộc		
		16119	Xưởng sản xuất dây chun		
		16121	Sản xuất lụa, tơ tằm		
		16122	Nhà máy dệt tơ, len, sợi tổng hợp		
		16201	Sản xuất và chế biến sợi thủy tinh		
16202	Cơ sở chế biến bàn chải				
16203	Sản xuất sơn				

*Đan*



a) Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ A, B, C (trừ công trình sản xuất gỗ, giấy)

18.1

16204	Nhà máy hóa chất vô cơ và hữu cơ chế biến nguyên liệu và bán thành phẩm, sản phẩm như phân bón dạng hạt, viên nhỏ, bột hoặc axit, muối, dung môi, cao su tổng hợp
16205	Cơ sở sản xuất áo đi mưa, nhựa tắm, khăn trải bàn
16206	Sản xuất xi nê, sáp đánh bóng
16207	Sản xuất nhựa đúc, nhựa thanh
16208	Cơ sở sản xuất nút chai
16209	Sản xuất xà phòng, mỹ phẩm
16210	Sản xuất sản phẩm nhựa lắp ráp
16211	Sản xuất và chế biến thủy tinh rỗng, chai lọ, dụng cụ quang học
16212	Sản xuất và chế biến kính cửa
16213	Xưởng phim, phòng in tráng phim
16214	Sản xuất vật liệu phim ảnh
16301	Nhà máy xay bột mì
16302	Nhà máy sản xuất mút hay cao su bọt
16303	Nhà máy xay xát gạo
16304	Nhà máy thức ăn gia súc
16305	Nhà máy sản xuất chất dẻo, cao su đặc
16306	Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ cao su
16307	Nhà máy sản xuất mì ăn liền, cháo ăn liền
16308	Nhà máy đánh bóng gạo
16309	Nhà máy sản xuất chè
16310	Nhà máy chế biến sản xuất cà phê, hạt điều
16311	Nhà máy sản xuất, chiết suất chế biến tinh bột
16312	Nhà máy đường
16401	Xưởng sản xuất hoa giả
16402	Nhà máy in, xưởng in (không tính sản xuất giấy, chế biến giấy)
16403	Xưởng đóng sách
16601	Nhà máy sản xuất thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá
16701	Nhà máy làm phân trộn
16702	Nhà máy đốt rác
16703	Xưởng sơn

B

0,2

		16727	Nhà máy sản xuất nội thất văn phòng		
		16728	Cơ sở sản xuất giấy ráp		
	b) Công trình sản xuất gỗ	1108	Xưởng sản xuất đồ gỗ gia dụng	B	0,5
		1109	Xưởng sản xuất đồ gỗ gia dụng có nhồi, lót (không sử dụng bột nhựa hoặc cao su xốp)		
		1110	Xưởng sản xuất bút chì gỗ		
		1111	Xưởng chế biến đồ gỗ khác		
		1113	Nhà máy cưa xẻ gỗ		
		1114	Nhà máy sản xuất đồ gỗ		
		1115	Nhà máy sản xuất ván ép		
	c) Công trình sản xuất giấy	16112	Nhà máy giấy	B	0,35
18.2	Công trình sản xuất công nghiệp có hạng nguy hiểm cháy nổ D, E	16105	Nhà máy sản xuất chế biến lông thú, may da thú	A	0,15
		16106	Nhuộm vải, in trên vải		
		16111	Xưởng giặt, là, tẩy, hấp, nhuộm		
		16120	Nhà máy sản xuất da thuộc		
		16313	Nhà máy sản xuất thực phẩm đồ hộp		
		16314	Nhà máy sản xuất bánh kẹo		
		16315	Nhà máy sản xuất dầu ăn		
		16316	Nhà máy sản xuất nước mắm, dấm		
		16317	Nhà máy chế biến thịt, cá, sữa		
		16501	Nhà máy rượu		
		16502	Xưởng mạch nha		
		16503	Nhà máy nước khoáng và nước uống các loại		
		16504	Nhà máy bia và nước trái cây		
		16505	Xưởng ủ bia		
		16704	Xưởng hàn, cắt		
		16705	Sản xuất đồ gốm thông thường		
		16706	Sản xuất đồ gốm cao cấp như gạch lát, đồ sứ, đồ đất nung, đồ gốm		
		16707	Lò đúc		
		16709	Cơ sở sản xuất thiết bị điện		
		16710	Nhà máy sản xuất cấu trúc kim loại và cấu kiện lắp sẵn		
16711	Nhà máy sản xuất vỏ đồ hộp kim loại				

*Duu*

		16712	Nhà máy sản xuất ốc vít và gia công các kim loại khác		
		16713	Nhà máy sản xuất thiết bị cơ khí		
		16714	Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô, xe đạp, xe máy và phụ tùng các loại		
		16717	Lắp ráp xe máy		
		16720	Sản xuất và chế biến vàng, bạc, đồ trang sức		
		16722	Nhà máy sản xuất lắp ráp linh kiện điện tử (máy in, máy ảnh, máy tính, đồ gia dụng...), thiết bị viễn thông, chất bán dẫn		
		16723	Nhà máy sản xuất cáp quang, cáp đồng		
		16724	Nhà máy sản xuất kính tẩm		
		16725	Nhà máy sản xuất phụ tùng máy bay		
		16726	Nhà máy sản xuất pin		
		16730	Nhà máy sản xuất vòng bi, doăng		
		16731	Nhà máy sản xuất mực in		
		16732	Nhà máy sản xuất khóa kéo		
		16733	Nhà máy sản xuất dược phẩm		
19	<b>Cơ sở, công trình có hạng mục hay bộ phận chính nếu xảy ra cháy nổ ở đó sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới toàn bộ cơ sở, công trình hoặc có hạng mục, bộ phận mà trong quá trình hoạt động thường xuyên có chất nguy hiểm cháy, nổ thuộc một trong các trường hợp sau đây:</b>				
19.1	Khí cháy			B	0,167
19.2	Chất lỏng			B	0,2
19.3	Bụi hay xơ cháy được; các chất rắn, hàng hóa, vật tư là chất rắn cháy được			B	0,7
19.4	Các chất có thể cháy, nổ hoặc sinh ra chất cháy, nổ khi tác dụng với nhau			B	0,6
19.5	Các chất có thể cháy, nổ hoặc sinh ra chất cháy, nổ khi tác dụng với nước hay với oxy trong không khí			B	0,5



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC 2 – BV**

**Lựa chọn 1: HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC**  
**Lựa chọn 2: HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC VÀ**  
**CÁC RỦI RO ĐẶC BIỆT**  
**Lựa chọn 3: HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC MỞ**  
**RỘNG MỌI RỦI RO TÀI SẢN**

**Số: .....**

Căn cứ Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 06 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

*Căn cứ nhu cầu, chức năng và nhiệm vụ của các bên.*

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm 20...., tại....., chúng tôi gồm:

<b>BÊN A</b>	:			
Địa chỉ	:			
Điện thoại	:		Fax:	
Số tài khoản	:			
Mã số thuế	:			
Người đại diện	:		Chức vụ:	
<b>BÊN B</b>	:	<b>TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT</b>		
Địa chỉ	:			
Điện thoại	:		Fax:	
Số tài khoản	:			
Mã số thuế	:			
Người đại diện	:		Chức vụ:	

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo những điều khoản và điều kiện chi tiết như sau:

**ĐIỀU 1. QUYỀN LỢI ĐƯỢC BẢO HIỂM**

<b>Người được bảo hiểm</b>	:	<b>Công ty ABC</b>
<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	:	.....
<b>Thuộc danh mục cơ sở</b>	:	.....
<b>Địa điểm được bảo hiểm</b>	:	.....
<b>Thời hạn bảo hiểm</b>	:	Từ 00 giờ 00 ngày ..... đến 23 giờ 59 ngày ..... <i>Bên B sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với các tổn thất xảy ra trước ngày ký kết Hợp đồng bảo hiểm.</i>
<b>Phạm vi bảo hiểm</b>	:	<p><b><u>Lựa chọn 1:</u></b> Bảo hiểm Cháy, nổ bắt buộc</p> <p><b><u>Lựa chọn 2:</u></b> Bên B nhận bảo hiểm cho các tài sản của Bên A được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Danh mục tài sản đính kèm theo hợp đồng này cho các rủi ro sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>A. Cháy;</li> <li>B. Nổ;</li> <li>C. Máy bay và các phương tiện hàng không khác hoặc các thiết bị trên các phương tiện đó rơi vào;</li> <li>D. Gây rối, bạo động dân sự, đình công, bãi công, nhân công bị sa thải hoặc những người tham gia gây rối lao động, hoặc những người ác ý;</li> <li>E. Động đất;</li> <li>F. Giông, bão;</li> <li>G. Giông, bão, ngập lụt;</li> <li>H. Vỡ hay tràn nước từ các thiết bị chứa hoặc đường ống dẫn nước;</li> <li>I. Va chạm;</li> <li>J. Rò rỉ nước bất ngờ từ hệ thống Sprinkler tự động.</li> </ul> <p><b><u>Lựa chọn 3:</u></b> Bên B nhận bảo hiểm cho tất cả tổn thất hoặc thiệt hại vật chất bất ngờ, không lường trước được xảy ra đối với các tài sản của Bên A hoặc Bên A có trách nhiệm pháp lý được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Danh mục tài sản kèm theo hợp đồng bảo hiểm này, ngoài những điểm loại trừ được quy định cụ thể trong quy tắc bảo hiểm và các điều khoản bổ sung.</p>
<b>Quy tắc bảo hiểm</b>	:	<p><b><u>Lựa chọn 1:</u></b> Quy tắc bảo hiểm Cháy và các rủi ro đặc biệt (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số 3123/2015/QĐ/TGD/BHBV ngày 24/09/2015 của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.</p> <p><b><u>Lựa chọn 2:</u></b> Quy tắc bảo hiểm Cháy và các rủi ro đặc biệt (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số 3123/2015/QĐ/TGD/BHBV</p>

	<p>ngày 24/09/2015 của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.</p> <p><b>Lựa chọn 3:</b></p> <p>Quy tắc bảo hiểm Mọi rủi ro tài sản (Thiệt hại vật chất) ban hành theo Quyết định số 3122/2015/QĐ/TGD/BHBV ngày 24/09/2015 của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt.</p>			
<b>Điều khoản bổ sung</b>	:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. BVGE011: Thỏa thuận loại trừ bảo hiểm tổn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính</li> <li>2. BVGE023: Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố</li> <li>3. BVGE026: Điều khoản cấm vận thương mại quốc tế</li> <li>4. BVPD047: Điều khoản chi phí cứu hỏa</li> <li>5. BVPD077: Điều khoản về thanh toán bồi thường tạm ứng (Giới hạn: 50% tổn thất ước tính)</li> <li>6. BVPD088: Điều khoản dọn dẹp hiện trường</li> <li>7. ....</li> </ol>		
<b>Số tiền bảo hiểm</b>	:	<b>STT</b>	<b>Tài sản được bảo hiểm</b>	<b>Số tiền bảo hiểm</b>
		1	Nhà cửa, vật kiến trúc	.....VND
		2	Máy móc thiết bị	.....VND
		3	Tài sản bên trong	.....VND
		4	Hàng hóa	.....VND
		<b>Tổng số tiền bảo hiểm</b>		<b>.....VND</b>
		<i>(Chi tiết tài sản được bảo hiểm theo danh sách đính kèm)</i>		
<b>Mức khấu trừ</b>	:	CNBB:		.....
		Rủi ro khác:		.....
<b>Tỷ lệ phí bảo hiểm/ năm</b> (không bao gồm VAT)	:	CNBB:		.....%
		Rủi ro khác:		.....%
<b>Phí bảo hiểm</b>	:	CNBB:		.....VND
		Rủi ro khác:		.....VND
<b>Thuế VAT</b>	:			.....VND
<b>Tổng phí thanh toán</b>	:			<b>.....VND</b>
		<i>Bằng chữ: .....</i>		

## ĐIỀU 2. THANH TOÁN PHÍ BẢO HIỂM

+ Bên A cam kết sẽ thanh toán phí bảo hiểm cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực.

+ Trong mọi trường hợp, nếu quá thời hạn nộp phí trên, Bên A không đóng phí bảo hiểm hoặc đóng phí bảo hiểm không đầy đủ cho Bên B thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực bảo hiểm vào ngày kế tiếp ngày cuối cùng phải nộp phí và Bên B được hưởng phí bảo hiểm tương ứng với thời gian bảo hiểm.



+ Trường hợp Hợp đồng bảo hiểm đã chấm dứt hiệu lực theo quy định nêu trên nhưng sau đó Bên A đóng đủ phí bảo hiểm thì hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động khôi phục hiệu lực kể từ thời điểm Bên A đã đóng đủ phí bảo hiểm quá hạn và đến hạn theo quy định của Hợp đồng. Bên B sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với các tổn thất xảy ra trong thời gian tính từ ngày Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết tự động chấm dứt hiệu lực trước thời hạn đến thời điểm Bên A đã đóng đủ phí bảo hiểm.

### **ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

#### **1. Trách nhiệm của Bên A**

+ Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thoả thuận. Thông báo kịp thời cho Bên B biết về sự biến động (tăng) của các hạng mục tài sản được bảo hiểm hoặc các yếu tố làm thay đổi mức độ rủi ro để Bên B kịp thời điều chỉnh tổng số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm, điều kiện và tiến hành ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

+ Bảo quản và quản lý tốt tài sản được bảo hiểm, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy (PCCC) của cơ quan có thẩm quyền.

+ Ngay khi xảy ra sự kiện bảo hiểm phải lập tức thông báo cho Cảnh sát PCCC biết để tổ chức cứu chữa, bảo vệ hiện trường và tiến hành lập biên bản điều tra xác minh, kết luận về nguyên nhân gây cháy, nổ. Đồng thời, bằng phương tiện nhanh nhất (điện thoại hoặc báo trực tiếp) thông báo cho Bên B biết trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra tổn thất và sau đó phải xác nhận lại văn bản trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.

+ Kịp thời áp dụng mọi biện pháp cần thiết để cứu chữa và bảo vệ tài sản nhằm hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất. Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp tốt với Bên B (hoặc đại diện Bên B) trong quá trình giám định xác định nguyên nhân và mức độ thiệt hại.

+ Trường hợp thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm do người thứ ba gây ra, Bên A có trách nhiệm báo ngay cho Bên B và làm các thủ tục pháp lý cần thiết để bảo lưu quyền khiếu nại của Bên B, hỗ trợ Bên B truy đòi người thứ ba. Trường hợp thiệt hại do người có hành động cố ý gây ra, Bên A phải báo ngay cho cơ quan cảnh sát điều tra biết.

#### **2. Trách nhiệm của Bên B**

+ Hướng dẫn Bên A hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc ký kết hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp cần thiết, có thể cử giám định viên (hoặc Người đại diện) tới cơ sở của Bên A để xem xét và đóng góp ý kiến về hệ thống PCCC hoặc yêu cầu Bên A bổ sung phương tiện PCCC nhằm giảm tới mức thấp nhất khả năng xảy ra tổn thất.

+ Trừ trường hợp bất khả kháng, trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo tổn thất chính thức bằng văn bản hoặc các hình thức hợp lý hợp lệ khác, Bên B (hoặc tổ chức được Bên B ủy quyền) phải đến hiện trường để cùng Bên A tiến hành giám định và lập biên bản giám định hiện trường. Nếu quá thời hạn trên, Bên B phải chấp nhận hiện trường và biên bản giám định do Bên A cùng Cảnh sát PCCC hoặc chính quyền nơi xảy ra sự cố lập.

+ Nếu tổn thất phát sinh thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm, phải hướng dẫn Bên A thu thập đầy đủ bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường.

### **ĐIỀU 4. BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM**

#### **1. Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm**

Số tiền bồi thường bảo hiểm đối với tài sản bị thiệt hại không vượt quá số tiền bảo hiểm của tài sản đó (đã được thoả thuận và ghi trong hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm) hoặc gộp lại không vượt quá tổng số tiền bảo hiểm ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Tỷ lệ bồi thường sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra tổn thất và giá trị kê khai mua bảo hiểm của tài sản đăng ký bảo hiểm (nếu giá trị kê khai thấp hơn giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra tổn thất là trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị).

Giảm trừ tối đa 10% số tiền bồi thường bảo hiểm trong trường hợp Bên A không thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các kiến nghị tại Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, dẫn đến tăng thiệt hại khi xảy ra cháy, nổ.

Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A gửi đầy đủ hồ sơ khiếu nại bồi thường và bên B nhận được báo cáo giám định cuối cùng (trong trường hợp có giám định độc lập), bên B có trách nhiệm giải quyết xong việc bồi thường tổn thất cho bên A. Nếu vụ tổn thất phức tạp mà thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì bên B có thể thanh toán trước tối đa 50% số tiền bồi thường tạm tính trước khi hoàn tất thủ tục khiếu nại cho bên A để nhanh chóng ổn định sản xuất.

## 2. Hồ sơ bồi thường bảo hiểm

Khi yêu cầu bồi thường, Bên A có trách nhiệm cung cấp các tài liệu sau cho Bên B:

- + Văn bản yêu cầu bồi thường của Bên A.
- + Tài liệu liên quan đến đối tượng bảo hiểm, bao gồm: Hợp đồng bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- + Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tại thời điểm gần nhất thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm (bản sao).
- + Biên bản kết luận nguyên nhân tổn thất của cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (trường hợp có sự tham gia của cơ quan chức năng này) hoặc các bằng chứng chứng minh nguyên nhân tổn thất.
- + Biên bản giám định tổn thất của Bên B hoặc của Đơn vị giám định độc lập do Bên B chỉ định.
- + Bản kê khai thiệt hại và các giấy tờ chứng minh thiệt hại như : Báo giá sửa chữa hoặc thay thế tài sản bị thiệt hại; Các hoá đơn, chứng từ liên quan đến tài sản được sửa chữa hoặc thay thế.
- + Các tài liệu liên quan khác như sổ sách kế toán; sổ theo dõi xuất nhập vật tư, tài sản.

## ĐIỀU 5. BỔ SUNG, SỬA ĐỔI HỢP ĐỒNG

Nếu có bất kỳ sự thay đổi và/hoặc một trong hai Bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước 15 ngày đến ngày hiệu lực dự kiến của Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng bổ sung. Hợp đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung khi có sự thống nhất của cả hai bên bằng Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

## ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Hai bên cam kết đã đọc và hiểu rõ nội dung của Hợp đồng và các bộ phận cấu thành Hợp đồng.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh mọi quy định pháp luật và những điều kiện, điều khoản của Quy tắc bảo hiểm đính kèm và những quy định trong Hợp đồng này.

Hai bên cam kết cho tới thời điểm ký hợp đồng này không có tổn thất nào xảy ra đối với các hạng mục đăng ký bảo hiểm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác. Mọi tranh chấp, nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng thì vụ việc sẽ được chuyển đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết, quyết định có hiệu lực của tòa án là cơ sở pháp lý cho hai bên thực hiện.

Hợp đồng bảo hiểm được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



## PHỤ LỤC 3 – BV

### GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM CHÁY, NỔ BẮT BUỘC

Căn cứ Hợp đồng bảo hiểm số ..... ngày ..... giữa ..... và .....

<b>Bên mua bảo hiểm</b>	:	.....																		
<b>Địa chỉ liên lạc</b>	:	.....																		
<b>Người được bảo hiểm</b>	:	.....																		
<b>Địa chỉ liên lạc</b>	:	.....																		
<b>Hoạt động kinh doanh</b>	:	.....																		
<b>Thuộc danh mục cơ sở</b>	:	.....																		
<b>Địa điểm được bảo hiểm</b>	:	.....																		
<b>Thời hạn bảo hiểm</b>	:	Từ 00 giờ 00 ngày ..... đến 23 giờ 59 ngày .....																		
<b>Tài sản được bảo hiểm</b>	:	Bao gồm .....(danh mục chi tiết tài sản đính kèm)																		
<b>Số tiền bảo hiểm</b>	:	<table border="1"><thead><tr><th>STT</th><th>Hạng mục</th><th>Số tiền bảo hiểm</th></tr></thead><tbody><tr><td>1</td><td>Nhà cửa, vật kiến trúc</td><td>..... VNĐ</td></tr><tr><td>2</td><td>Máy móc thiết bị</td><td>..... VNĐ</td></tr><tr><td>3</td><td>Tài sản bên trong</td><td>..... VNĐ</td></tr><tr><td>4</td><td>Hàng hóa</td><td>..... VNĐ</td></tr><tr><td colspan="2"><b>Tổng số tiền bảo hiểm</b></td><td><b>..... VNĐ</b></td></tr></tbody></table>	STT	Hạng mục	Số tiền bảo hiểm	1	Nhà cửa, vật kiến trúc	..... VNĐ	2	Máy móc thiết bị	..... VNĐ	3	Tài sản bên trong	..... VNĐ	4	Hàng hóa	..... VNĐ	<b>Tổng số tiền bảo hiểm</b>		<b>..... VNĐ</b>
	STT	Hạng mục	Số tiền bảo hiểm																	
	1	Nhà cửa, vật kiến trúc	..... VNĐ																	
	2	Máy móc thiết bị	..... VNĐ																	
	3	Tài sản bên trong	..... VNĐ																	
4	Hàng hóa	..... VNĐ																		
<b>Tổng số tiền bảo hiểm</b>		<b>..... VNĐ</b>																		
<b>Mức khấu trừ CNBB</b>	:	.....																		
<b>Phí bảo hiểm CNBB</b>	:	.....																		
<b>Thời hạn thanh toán phí</b>	:	.....																		



....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM**

(Ký tên, đóng dấu)